

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Lưu Phương	Anh	Nữ	09.03.2003	Hà Nội		
2	B00002	Trần Ngọc	Anh	Nữ	12.07.2004	Hòa Bình		
3	B00003	Trịnh Minh	Anh	Nữ	21.12.2004	Hung Yên		
4	B00004	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	12.01.2004	Hải Dương		
5	B00005	Trương Ngọc	Anh	Nữ	26.08.2002	Ninh Bình		
6	B00006	Trần Phương	Anh	Nữ	08.06.2004	Hà Nội		
7	B00007	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	18.11.2004	Nghệ An		
8	B00008	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	28.04.2004	Thái Bình		
9	B00009	Vũ Phương	Anh	Nữ	22.07.2004	Quảng Ninh		
10	B00010	Cao Lan	Anh	Nữ	16.07.2000	Thanh Hóa		
11	B00011	Đinh Quế	Anh	Nữ	06.04.2004	Sơn La		
12	B00012	Mai Quỳnh	Anh	Nữ	06.11.2004	Thanh Hóa		
13	B00013	Vũ Phương	Anh	Nữ	25.09.2004	Quảng Ninh		
14	B00014	Phạm Kiều	Anh	Nữ	10.01.2004	Ninh Bình		
15	B00015	Vũ Hoàng Quỳnh	Anh	Nữ	26.04.2003	Hà Nội		
16	B00016	Tạ Trần Mai	Anh	Nữ	11.07.2004	Tuyên Quang		
17	B00017	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	07.11.2004	Hà Nội		
18	B00018	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	05.06.2004	Hà Nội		
19	B00019	Đoàn Duy	Bách	Nam	07.08.2000	Thái Bình		
20	B00020	Hoàng Ngọc	Bích	Nữ	02.02.2004	Hà Giang		
21	B00021	Đỗ Nguyễn Hoàn	Châu	Nữ	19.08.2004	Quảng Ninh		
22	B00022	Dương Linh	Chi	Nữ	29.09.2004	Hà Nội		
23	B00023	Đinh Thị Linh	Chi	Nữ	22.01.2003	Nam Định		
24	B00024	Hoàng Ngọc Khánh	Chi	Nữ	20.05.2004	Vĩnh Phúc		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00025	Bùi Thị Ngọc	Diệp	Nữ	18.06.2004	Hải Dương		
2	B00026	Phan Thị Hồng	Diệu	Nữ	05.03.2003	Nghệ An		
3	B00027	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	16.10.2004	Bắc Ninh		
4	B00028	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	11.12.2001	Lai Châu		
5	B00029	Dương Chí	Dũng	Nam	16.07.2002	Hà Nội		
6	B00030	Nguyễn Lê	Duy	Nam	04.11.2000	Thanh Hóa		
7	B00031	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	05.01.2000	Đắk Lắk		
8	B00032	Phí Vũ Thùy	Dương	Nữ	13.09.2005	Hà Nội		
9	B00033	Nguyễn Minh	Đức	Nam	03.02.2003	Hà Nội		
10	B00034	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	09.10.2004	Hải Dương		
11	B00035	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	18.10.2004	Quảng Ninh		
12	B00036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06.10.2003	Thanh Hóa		
13	B00037	Trần Ngọc	Hải	Nam	23.10.1994	Nghệ An		
14	B00038	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16.10.2004	Nam Định		
15	B00039	Trần Thị Phương	Hạnh	Nữ	26.08.2004	Nghệ An		
16	B00040	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	10.01.2000	Hà Nội		
17	B00041	Lê Thanh	Hằng	Nữ	20.09.2003	Lào Cai		
18	B00042	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	06.02.2002	Nam Định		
19	B00043	Hà Văn	Hiền	Nam	24.08.2003	Vĩnh Phúc		
20	B00044	Đào Hoàng	Hiệp	Nam	23.05.2004	Phú Thọ		
21	B00045	Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	01.04.2004	Nghệ An		
22	B00046	Nguyễn Khánh	Hiếu	Nam	12.06.1976	Hà Nội		
23	B00047	Trương Thị My	Hoa	Nữ	12.03.2005	Quảng Bình		
24	B00048	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	10.01.2001	Thái Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00049	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	08.02.1993	Hà Nội		
2	B00050	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04.01.2001	Hải Dương		
3	B00051	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09.04.2004	Vĩnh Phúc		
4	B00052	Lương Thị	Huyền	Nữ	26.09.2004	Thanh Hóa		
5	B00053	Vũ Ngọc	Huyền	Nữ	17.02.2004	Lào Cai		
6	B00054	Lê Hồ Khánh	Huyền	Nữ	24.12.2004	Nghệ An		
7	B00055	Trần Thanh	Huyền	Nữ	24.03.1997	Hải Phòng		
8	B00056	Chu Thanh	Huyền	Nữ	08.07.2004	Lào Cai		
9	B00057	Trần Thị Vân	Hương	Nữ	20.09.1995	Ninh Bình		
10	B00058	Nguyễn Thủy	Hương	Nữ	08.03.2004	Hà Nội		
11	B00059	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	04.06.1988	Hòa Bình		
12	B00060	Lê Mai	Hương	Nữ	08.06.2004	Thanh Hóa		
13	B00061	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	04.05.2004	Hà Nội		
14	B00062	Vàng Đức	Kim	Nam	29.09.2002	Hà Giang		
15	B00063	Lang Ngọc	Khanh	Nữ	21.11.2004	Nghệ An		
16	B00064	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	12.01.2004	Hòa Bình		
17	B00065	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	15.04.2004	Nam Định		
18	B00066	Bùi Thị	Lệ	Nữ	10.03.2002	Thanh Hóa		
19	B00067	Lê Thanh	Liêm	Nữ	12.10.2003	Hà Nội		
20	B00068	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	18.04.2004	Bắc Giang		
21	B00069	Ngô Khánh	Linh	Nữ	20.06.2003	Nghệ An		
22	B00070	Đặng Ngọc	Linh	Nữ	27.08.2004	Hà Nội		
23	B00071	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	06.10.2004	Bắc Ninh		
24	B00072	Nguyễn Việt	Linh	Nữ	06.10.2004	Tuyên Quang		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00073	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	18.10.2005	Vĩnh Phúc		
2	B00074	Dương Khánh	Linh	Nữ	20.05.2004	Nghệ An		
3	B00075	Trần Thị Hà	Linh	Nữ	12.12.2003	Hải Phòng		
4	B00076	Phạm Mai	Linh	Nữ	20.04.2004	Hà Nội		
5	B00077	Bùi Ngọc	Long	Nam	24.09.2004	Tuyên Quang		
6	B00078	Nguyễn Thị Phương	Ly	Nữ	20.01.2004	Nghệ An		
7	B00079	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	05.07.2004	Hà Nội		
8	B00080	Bùi Ngọc	Mai	Nữ	22.10.2004	Hòa Bình		
9	B00081	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	25.05.2002	Hà Nội		
10	B00082	Đinh Thị Ngọc	Minh	Nữ	08.09.2004	Hà Nội		
11	B00083	Nguyễn Hùng	Minh	Nam	06.04.2003	Hà Nội		
12	B00084	Phạm Anh	Minh	Nam	19.05.2003	Quảng Ninh		
13	B00085	Phạm Hoàng Hà	My	Nữ	11.04.2003	Hà Nội		
14	B00086	Lý Thúy	Nga	Nữ	17.11.2004	Lai Châu		
15	B00087	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	25.10.2004	Nghệ An		
16	B00088	Vũ Đoàn Bích	Ngọc	Nữ	08.09.2005	Hà Nội		
17	B00089	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	03.03.2003	Phú Thọ		
18	B00090	Nguyễn Sỹ	Nhật	Nam	17.04.2003	Lào Cai		
19	B00091	Hà Thị Yến	Nhi	Nữ	30.06.2005	Ninh Bình		
20	B00092	Nguyễn Thị Bảo	Nhi	Nữ	02.03.2004	Lâm Đồng		
21	B00093	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	Nữ	28.07.2004	Hà Tĩnh		
22	B00094	Phạm Thị	Nhung	Nữ	02.11.2002	Vĩnh Phúc		
23	B00095	Lô Phương	Nhung	Nữ	12.04.2003	Lạng Sơn		
24	B00096	Vũ Đào Duy	Phú	Nam	21.12.2004	Hải Phòng		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00097	Bá Ngọc	Quân	Nam	30.11.1991	Hung Yên		
2	B00098	Trần Xuân	Quyển	Nam	13.12.2003	Hung Yên		
3	B00099	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	22.07.2004	Thanh Hóa		
4	B00100	Phạm Thị Ánh	Sao	Nữ	06.08.2003	Thanh Hóa		
5	B00101	Trần Trường	Son	Nam	10.10.2003	Nam Định		
6	B00102	Nguyễn Tài Thanh	Tâm	Nữ	24.05.2004	Hải Phòng		
7	B00103	Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	22.01.2001	Ninh Bình		
8	B00104	Vũ Thanh	Tuyền	Nữ	17.11.2003	Hải Dương		
9	B00105	Dương Thị	Tuyết	Nữ	01.10.2003	Bắc Giang		
10	B00106	Bùi Thị Hồng	Tuyết	Nữ	18.08.2004	Phú Thọ		
11	B00107	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	17.04.2004	Quảng Ninh		
12	B00108	Nguyễn Trung	Thành	Nam	28.08.2000	Bắc Giang		
13	B00109	Phạm Thị Ngọc	Thành	Nữ	22.03.2002	Hà Tĩnh		
14	B00110	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27.08.2004	Bắc Ninh		
15	B00111	Hà Phương	Thảo	Nữ	18.06.2004	Phú Thọ		
16	B00112	Phạm Phương	Thảo	Nữ	17.05.2004	Hà Nội		
17	B00113	Thiều Thị Thu	Thảo	Nữ	28.07.1986	Phú Thọ		
18	B00114	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	19.09.2004	Hà Nội		
19	B00115	Phạm Phương	Thảo	Nữ	09.12.2003	Phú Thọ		
20	B00116	Đào Đức	Thắng	Nam	08.10.2003	Bắc Ninh		
21	B00117	Đoàn Văn	Thịnh	Nữ	30.05.2004	Nam Định		
22	B00118	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	Nữ	13.10.2004	Hà Tĩnh		
23	B00119	Tòng Thị	Thơm	Nữ	01.05.2004	Điện Biên		
24	B00120	Phạm Thị Hoài	Thu	Nữ	15.12.2004	Hà Nội		
25	B00121	Nguyễn Thị Thanh	Thu	Nữ	16.09.2004	Bắc Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 25

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/10/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00122	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	27.12.2003	Bắc Ninh		
2	B00123	Lê Xuân	Thuận	Nam	27.08.2003	Thanh Hóa		
3	B00124	Nông Thị	Thùy	Nữ	18.02.2004	Bắc Kạn		
4	B00125	Phạm Thu	Thủy	Nữ	05.10.2002	Hà Nội		
5	B00126	Lê Thị	Thủy	Nữ	09.10.1986	Thái Bình		
6	B00127	Hoàng Phương	Thúy	Nữ	11.05.1992	Quảng Ninh		
7	B00128	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	22.04.2002	Phú Thọ		
8	B00129	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03.10.2003	Ninh Bình		
9	B00130	Mai Thu	Trang	Nữ	04.09.2004	Thanh Hóa		
10	B00131	Hoàng Huyền	Trang	Nữ	28.05.2003	Hà Nội		
11	B00132	Bùi Thị	Trang	Nữ	05.10.2004	Ninh Bình		
12	B00133	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	27.11.2001	Hải Phòng		
13	B00134	Lương Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	03.08.2004	Lào Cai		
14	B00135	Đào Hà	Trang	Nữ	14.04.2003	Quảng Ninh		
15	B00136	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	12.09.2003	Thanh Hóa		
16	B00137	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	17.03.2001	Bắc Ninh		
17	B00138	Lê Thị Kiều	Trình	Nữ	09.05.2004	Nghệ An		
18	B00139	Lò Thị Mai	Trình	Nữ	16.05.2004	Điện Biên		
19	B00140	Vũ Bích	Vân	Nữ	30.06.2005	Thái Bình		
20	B00141	Ngô Văn	Việt	Nam	17.03.2004	Bắc Ninh		
21	B00142	Trịnh Văn	Vũ	Nam	05.10.2002	Thanh Hóa		
22	B00143	Lưu Thảo	Vy	Nữ	01.08.2004	Bắc Giang		
23	B00144	Phạm Thị Hải	Yên	Nữ	20.07.2004	Thái Bình		
24	B00145	Nguyễn Hải	Yên	Nữ	10.08.1996	Hà Nội		
25	B00146	Phạm Thị Hải	Yên	Nữ	05.10.1987	Hòa Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 25

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)